TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường

Bà Trần Thị Minh Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Khóm P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ liên hệ: Số F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm P1, phường P2, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Lê Thanh T do tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 12/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2024 thì phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Bà N yêu cầu ly hôn ông Lê Thanh T.

Con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Lê Thanh T1, sinh ngày 05/12/2008 đang do ông T nuôi dưỡng và Lê Hồng A, sinh ngày 26/9/2013 đang do bà N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng Lê Thanh T1, Lê Hồng A.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Lê Thanh T: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông T vắng mặt không có lý do và bà N có đơn đề nghị không hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày, chỉ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung. Do con chung Lê Thanh T1 có nguyện vọng được sống cùng với ông Lê Thanh T nên bà N đồng ý giao ông T tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thanh T1, bà N không cấp dưỡng Lê Thanh T1; bà N tiếp tục nuôi dưỡng Lê Hồng A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng Lê Hồng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là người có quyền khởi kiện ông T ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà N và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/11/2008. Theo nguyên đơn trình bày, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan hệ gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà N, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà N muốn sống chung cùng ông T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập ông T đến tham dự các phiên hòa giải, xét xử nhưng ông T đều vắng mặt, thể hiện ông T không có thiện chí đoàn tụ với bà N. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn với ông T.

[3] Bà N, ông T có 02 con chung tên Lê Thanh T1, sinh ngày 05/12/2008 và Lê Hồng A, sinh ngày 26/9/2013. Khi ly hôn, bà N có yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Hồng A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng Lê Hồng A; giao ông T tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thanh T1 và bà nguyên không cấp dưỡng Lê Thanh T1.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản khai ngày 15/12/2025, Lê Thanh T1 trình bày có nguyện vọng tiếp tục sống với ông Lê Thanh T, còn Lê Hồng A trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao bà N tiếp tục nuôi dưỡng Lê Hồng A; giao ông Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thanh T1.

Bà N, ông T đều không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng con chung nên ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Lê Hồng A, bà N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Lê Thanh T1.

[4] Tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc bà N nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Thanh T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc ông Lê Thanh Tâm G bà Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hồng A, sinh ngày 26/9/2013. Buộc bà Nguyễn Thị N giao ông Lê Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thanh T1, sinh ngày 05/12/2008.

Ông Lê Thanh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Lê Hồng A. Bà Nguyễn Thị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Lê Thanh T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006846 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên bà Nguyễn Thị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án dân sự: 1;
- UBND phường P, tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân